

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **201/2023/HC-ST**

Ngày: 17/8/2023

*V/v yêu cầu hủy các Quyết định
hành chính trong lĩnh vực
quản lý đất đai*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : **Bà Nguyễn Thị K T**
- Các Hội thẩm nhân dân : **Bà Nguyễn Vũ Thị Tuyết M**
Bà Trần Thị Hải Y

- Thư ký phiên tòa: **Bà Chử Thị B L** - Thẩm tra viên chính

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: **Ông Trần C T** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 191/2019/TLST-HC ngày 30 tháng 7 năm 2019 về việc yêu cầu hủy các Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2023/QĐXXST-HC ngày 04 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 123/2023/QĐHPTST-HC ngày 19 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 152/2023/QĐHPTST-HC ngày 31 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: **Ông Khuất Duy H**, sinh năm 1977. Địa chỉ: Thôn Yên K, xã Thụy A, huyện B, thành phố H.

Người bị kiện:

1,2. Chủ tịch và Ủy ban nhân dân huyện B, thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền: **Ông Đỗ Quang T**, chức vụ: Phó Chủ tịch

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1,2. Chủ tịch và Ủy ban nhân dân xã Thụy A, huyện B, H.

3,4,5. Bà Phan Thị N, sinh năm 1976; **Chị Khuất Thị C**, sinh năm 1998; **Chị Khuất Thị Minh N**, sinh năm 1999

Cùng địa chỉ: Thôn Yên K, Xã Thụy A, huyện B, thành phố H ;

NỘI DUNG

*** *Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Tòa án, người khởi kiện trình bày:*** Về nguồn gốc đất thừa đất gia đình ông đang sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp từ những năm 1988 – 1989, sử dụng ổn định, không có tranh chấp cho đến khi có quyết định thu hồi đất. Về chủ trương thực hiện dự án cải tạo Sông T, ông H đồng ý nhưng không đồng ý việc bồi thường. Cụ thể:

Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của UBND huyện B về việc thu hồi diện tích 1.930m² đất của gia đình ông thì ông không có ý kiến gì vì đây là diện tích đất nông nghiệp, đất trồng cây lâu năm ông thuê của UBND với thời hạn thuê là 50 năm tính từ năm 2014.

Đối với diện tích đất tại thửa số 11 tờ bản đồ số 4, UBND huyện B thu hồi nhiều hơn so với diện tích đất ghi trong quyết định. Phần diện tích đất bị thu hồi thực tế ông sẽ cung cấp sau. Đây là diện tích đất khai hoang của gia đình ông từ năm 1992, quá trình sử dụng chưa bị xử phạt hành chính. Gia đình ông không phải đóng thuế đất, không có giấy tờ gì về đất, chỉ có giấy xác nhận của người dân xung quanh. Trước khi thu hồi đất thì gia đình ông sử dụng đất để trồng cây.

Về Quyết định số 2905/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 và Quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 20/03/2018 của UBND huyện B về phê duyệt phương án bồi thường chi tiết hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án Sông T : Gia đình ông không đồng ý về diện tích đất bị thu hồi vì không đúng và không đủ diện tích nên bồi thường cho gia đình ông là sai và mức phần trăm bồi thường chưa thỏa đáng, phải bồi thường cho gia đình ông với mức 100% đơn giá với loại đất gia đình ông đang sử dụng. Ngoài ra, ông không thắc mắc gì khác về chính sách bồi thường.

Đối với Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 22/01/2019 của Chủ tịch UBND huyện B về việc không chấp nhận khiếu nại của ông nên ông không đồng ý.

Ngoài ra, ông không thắc mắc gì đối với các Quyết định khác.

Đề nghị Tòa án hủy:

- Một phần Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của UBND huyện B về việc “Thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân, đất công của UBND xã Thụy A quản lý và đất của Chi nhánh Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV&PT nông nghiệp H Xí nghiệp dứa Suối H để thực hiện dự án: Đầu tư tiếp nước, cải tạo khôi phục Sông T đoạn qua xã Thụy A, huyện B, thành phố Hà Nội (Đợt ba) đối với hộ ông Khuất Duy H;

- Một phần Quyết định số 2905/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND huyện B về việc “Phê duyệt phương án bồi thường chi tiết bồi thường, hỗ trợ GPMB Dự án: Đầu tư, tiếp nước, cải tạo, khôi phục Sông T từ Lương Phú xã Thuận Mỹ, huyện B, thành phố H – xã Thụy A (Đợt 3) đối với hộ ông Khuất Duy H;

- Một phần Quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 20/3/2017 của UBND huyện B về Phê duyệt phương án chi tiết bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng điều chỉnh, bổ sung Dự án: Đầu tư, tiếp nước, cải tạo khôi phục Sông T từ Lương Phú, xã Thuần Mỹ, huyện B, TP H (Địa bàn xã Thụy A – Đợt 6) đối với hộ gia đình ông Khuất Duy H;

- Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 22/01/2019 của Chủ tịch UBND huyện B về giải quyết khiếu nại của ông Khuất Duy H. Địa chỉ: Thôn Yên K, xã Thụy A, huyện B (lần 1);

*** Người bị kiện: Chủ tịch và Ủy ban nhân dân huyện B trình bày:** Về nguồn gốc thu hồi đất của ông H, trình tự thủ tục thu hồi và phê duyệt phương án bồi thường, trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại, quan điểm khởi kiện của ông Khuất Duy H như trong các văn bản, Quyết định mà xã Thụy A, các ban ngành của huyện, Hội đồng giải phóng mặt bằng của huyện B đã ban hành.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Chủ tịch và Ủy ban nhân dân xã Thụy A trình bày:

Về nguồn gốc sử dụng đất: Căn cứ bản đồ 299 được đo vẽ năm 1988 và được duyệt công nhận năm 1988 thì khu đất 09 hộ gia đình khiếu nại thuộc thửa đất số 03, tờ bản đồ số 03 có tổng diện tích là 253.253m² và chủ sử dụng là Trường trung học kinh tế. Ngày 17/9/1990, UBND thành phố H giao cho trường trung học kinh tế 30,5ha. Còn lại 45,5ha trường mượn để trồng cây theo chương trình lâm nghiệp của huyện B. Căn cứ vào nội dung công văn số 144/HC ngày 04/5/2001 của nhà máy Z về việc hoàn trả đất trồng rừng, nội dung công văn đã nêu rõ: Tháng 12/1992 nhà máy Z nhận bàn giao toàn bộ diện tích 76ha của Trường trung học kinh tế theo quyết định của Bộ Quốc phòng. Tháng 6/2000 nhà máy Z đã bàn giao lại 28,2ha cho Trường T24 – Bộ tư lệnh biên phòng (nay là Trường trung cấp huấn luyện chó nghiệp vụ); số diện tích còn lại là 45,5ha nhà máy Z đã khai thác xong rừng trồng và không có nhu cầu sử dụng nwx và xin hoàn trả lại cho UBND xã sử dụng từ tháng 5/2001.

Quá trình sử dụng đất của các hộ gia đình: Sau khi nhà máy Z bàn giao diện tích cho UBND xã quản lý vào năm 2001 thì các hộ đã tự canh tác. Trong đó có 09 hộ gia đình có đơn khiếu nại. UBND xã Thụy A đã thông báo cho các hộ gia đình ngừng ngay việc canh tác và sản xuất trên khu đất đó cụ thể:

Ngày 22/4/2002, UBND xã Thụy A ban hành Thông báo số 02/TB-UB thông báo lần 2 về việc một số hộ dân tự động chiếm đất công tại khu vực Trường nghiệp vụ cũ ở Suối H thuộc địa bàn quản lý của xã Thụy A.

Ngày 01/12/2003, UBND xã Thụy A ban hành Công văn số 16/CV-UB về việc đề nghị 03 hộ dân xã V là ông H1, ông N và ông M trả lại mặt bằng đất tự chiếm canh tác khu đồi C xã Thụy A.

Ngày 18/02/2005, UBND xã Thụy A ban thành Thông báo số 01/TB-UB về việc quy hoạch thu hồi đất giải phóng mặt bằng san ủi đường trục, đường lô khu vực đồi Nghiệp vụ thôn Yên K, xã Thụy A.

Ngày 20/9/2005, UBND xã Thụy A ban hành Thông báo số 05/TB-UB về việc thu hồi đất công.

Ngoài ra, HĐND xã cũng ban hành Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 24/01/2003 Nghị quyết về kế hoạch sử dụng đất đai xã Thụy A năm 2003 trong đó có kế hoạch giao đất khu vực của nhà máy Z bàn giao cho UBND xã quản lý.

Ngày 28/02/2005, UBND xã ban hành Quyết định số 10/QĐ-UB về việc thành lập tổ công tác xử lý đất khu vực C Suối H.

Sau khi được thành lập, tổ công tác của xã đã đo đạc hiện trạng và yêu cầu ký hợp đồng khoán thuê diện tích đất quỹ công theo quy định nhưng các hộ không ký hợp đồng nhận thuê khoán với UBND xã với lý do không có đường đi. Trong tổng số 34 hộ canh tác trên đồi nghiệp vụ thì ngày 22/01/2006 có 11 hộ có ký hợp đồng thuê khoán với UBND xã với thời hạn là 05 năm. Trong đó có ông Phạm Ngọc M ký hợp đồng diện tích 52.354m² (ông Phạm Ngọc M ký hợp đồng giao khoán bao gồm cả phần diện tích đất hiện nay của ông Khuất Duy H đã làm thủ tục thuê đất với UBND huyện 7.322m² và 4.902m² không có giấy tờ).

Năm 2005, thực hiện dự án đầu tư tiếp nước, cải tạo khôi phục Sông T, sau khi kiểm đếm xong hiện trạng sử dụng đất của các hộ gia đình trên đồi nghiệp vụ, UBND xã Thụy A đã ban hành Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 20/6/2017 về việc thành lập tổ tư vấn xác nhận nguồn gốc sử dụng đất tại thôn Yên K thuộc dự án: Đầu tư, tiếp nước, cải tạo, khôi phục Sông T.

Ngày 24/6/2017, tổ tư vấn họp và tại hội nghị mọi người đều xác định đất khu vực đồi nghiệp vụ là đất công do UBND xã quản lý, không có đất khai hoang.

Hộ ông Khuất Duy H sử dụng 02 thửa gồm: Thửa số 7 và thửa số 11 tờ bản đồ số 4. UBND xã đã xác nhận thửa 11 là đất thuê nộp tiền hàng năm, thửa 07 là đất công hộ gia đình tự sử dụng.

Toàn bộ diện tích và tài sản trên đất thuộc phạm vi giải phóng mặt bằng Sông T gia đình ông Khuất Duy H đã nhận tiền và bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công thực hiện dự án.

UBND xã Thụy A giữ nguyên Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 13/8/2018 của UBND xã Thụy A về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) và Quyết định số 180/QĐ-UBND ngày 22/01/2019 của UBND huyện B về giải quyết lần 2.

- Bà Phan Thị N; Chị Khuất Thị C; Chị Khuất Thị Minh N không có lời khai gửi Tòa án.

Tại phiên tòa:

Người khởi kiện vẫn giữ yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử hủy:

- Một phần Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của UBND huyện B về việc “Thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân, đất công của UBND xã Thụy A quản lý và đất của Chi nhánh Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV&PT nông nghiệp H, Xí nghiệp dứa Suối H để thực hiện dự án: Đầu tư tiếp nước, cải tạo khôi phục Sông T đoạn qua xã Thụy A, huyện B, thành phố Hà Nội (Đợt ba) đối với hộ ông Khuất Duy H;

- Một phần Quyết định số 2905/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND huyện B về việc “Phê duyệt phương án bồi thường chi tiết bồi thường, hỗ trợ GPMB Dự án:

Đầu tư, tiếp nước, cải tạo, khôi phục Sông T từ Lương Phú xã Thuần Mỹ, huyện B, thành phố H – xã Thụy A (Đợt 3) đối với hộ ông Khuất Duy H;

- Một phần Quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 20/3/2017 của UBND huyện B về Phê duyệt phương án chi tiết bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng điều chỉnh, bổ sung Dự án: Đầu tư, tiếp nước, cải tạo khôi phục Sông T từ Lương P, xã Thuần M, huyện B, TP H (Địa bàn xã Thụy A – Đợt 6) đối với hộ gia đình ông Khuất Duy H;

- Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 22/01/2019 của Chủ tịch UBND huyện B về giải quyết khiếu nại của ông Khuất Duy H. Địa chỉ: Thôn Yên K, xã Thụy A, huyện B (lần 1);

Người bị kiện là Chủ tịch và Ủy ban nhân dân huyện B, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Chủ tịch và Ủy ban nhân dân xã Thụy A và các thành viên trong hộ gia đình ông Khuất Duy H được triệu tập lập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điều 157 luật Tổ tụng hành chính Tòa án xét xử vắng mặt những người này.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu về quá trình tiến hành tố tụng của Tòa án:

- Về tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H . Quá trình tham gia tố tụng của các đương sự và Thẩm phán, của Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Luật Tổ tụng hành chính.

- Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Khuất Duy H không có căn cứ, đề nghị HĐXX bác yêu cầu khởi kiện của ông H

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về đối tượng khởi kiện: Người khởi kiện (ông H) khởi kiện, yêu cầu Tòa án hủy: Quyết định số 2905/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND huyện B v/v phê duyệt phương án BT, HT Dự án; Quyết định số 116/Qđ-UBND ngày 30/12/2017 của UBND huyện B v/v thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân để thực hiện Dự án; Quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 20/3/2018 của UBND huyện B v/v phê duyệt phương án chi tiết BT, HT GPMB điều chỉnh, bổ sung Dự án; Quyết định giải quyết khiếu nại số 184/QĐ-UBND ngày 22/01/2019 của Chủ tịch UBND huyện B v/v giải quyết khiếu nại của ông H (lần 1). Xét thấy đây là các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai do cơ quan, người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước ban hành, là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật TTHC 2015.

Căn cứ Điều 6, khoản 2 Điều 193 Luật TTHC 2015 quy định: “*Trong quá trình giải quyết vụ án hành chính, Tòa án có quyền xem xét về tính hợp pháp của văn bản*

hành chính, hành vi hành chính có liên quan đến quyết định hành chính, hành vi hành chính bị kiện”. Vì vậy, cần xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 13/8/2018 của UBND xã Thụy A v/v giải quyết khiếu nại của 09 hộ gia đình (trong đó có hộ gia đình ông H); Quyết định số 180/QĐ-UBND ngày 22/01/2019 của Chủ tịch UBND huyện B v/v giải quyết khiếu nại của ông H (lần hai).

* Về thẩm quyền giải quyết: Người bị kiện là Chủ tịch và UBND huyện B nên Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật TTHC 2015.

* Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 22/01/2019, Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 1), ngày 19/4/2019, ông H gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân TP H yêu cầu hủy các quyết định nêu trên. Như vậy, việc khởi kiện của ông Khuất Duy H là trong thời hiệu được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 Luật TTHC 2015.

* Về nội dung: Nguồn gốc đất thu hồi của ông Khuất Duy H để thực hiện Dự án: Theo các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện: Ngày 17/9/2014, UBND huyện B ban hành Quyết định số 922/QĐ-UBND v/v cho ông Khuất Duy H thuê 7.322m² đất nông nghiệp để thực hiện phương án sản xuất trồng cây ăn quả và chăn nuôi tại thôn Yên K, xã Thụy A, huyện B; Ngày 24/11/2014, UBND huyện B cấp GCNQSD đất, QSH nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH 00431 cho ông Khuất Duy H, diện tích 7.322m²; Mục đích sử dụng: đất nông nghiệp khác 500m² (đất xây dựng công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp từ cấp 4 trở xuống), đất trồng cây lâu năm 6.822m² (đất trồng cây ăn quả); Thời hạn sử dụng đất 50 năm đến ngày 17/9/2064; Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm. Theo Biên bản họp hội nghị tư vấn v/v xác định nguồn gốc, chủ sử dụng đất và thời điểm sử dụng đất phục vụ công tác xác nhận nguồn gốc sử dụng đất của các hộ gia đình có đất trong chỉ giới GPMB Dự án ngày 26/6/2017 của UBND xã Thụy A thể hiện: “Nguồn gốc đất khu Trường Nghiệp vụ trước đây do UBND xã cho Nhà máy Z mượn. Năm 2000, 2001, Nhà máy Z bàn giao lại cho UBND xã quản lý. Năm 2007, UBND Xã đã cử Tổ công tác đo vẽ sơ đồ từng hộ để đưa vào thuê thầu. Vì vậy, Hội nghị nhất trí xác định đất khu vực đó là đất công do UBND xã quản lý, không có đất vỡ hoang”.

Đối với diện tích 1.950m² đất bị thu hồi: Ông H được UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 010351, không thể hiện số thửa, số tờ bản đồ tại địa chỉ thôn Yên K, xã Thụy A, huyện B, thành phố H (viết tắt là “Giấy chứng nhận”) với diện tích 7.322m², trong đó Đất nông nghiệp khác 500m², đất trồng cây lâu năm 6.822m². Thời hạn sử dụng đất đến ngày 17/9/2064. Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm. Ông H không có ý kiến gì. Theo Biên bản làm việc ngày 13/3/2018 của Hội đồng bồi thường Dự án có nội dung: Qua kiểm tra hiện trạng, đối chiếu với hồ sơ cấp Giấy chứng nhận của hộ gia đình tại thửa đất số 7, tờ bản đồ số 4, diện tích thu hồi vĩnh viễn là 1.950m², diện tích đất mượn là 507,3m² nằm trong Giấy chứng nhận do UBND huyện B cho hộ gia đình thuê đất. Như vậy, diện tích 1.950m² đất bị thu hồi xác định là đất Nhà nước cho thuê trả tiền hàng năm.

Đối với diện tích 4.297,1m² đất bị thu hồi: thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ số 4 (diện tích đất thu hồi là 4.297,1m², diện tích đất mượn là 255,4m²) nằm ngoài Giấy chứng nhận. Phần diện tích đất này ông H cho rằng gia đình ông khai hoang từ năm 1992, quá trình sử dụng không nộp thuế đất cũng không có bất cứ giấy tờ, tài liệu nào v/v sử dụng đất hợp pháp. Xét thấy:

+ Theo Bản đồ 299 được đo vẽ năm 1988 thể hiện: phần diện tích đất này nằm trong diện tích đất khu đồi Nghiệp vụ trước kia thuộc trường Trung học Kinh tế quản lý và sử dụng.

+ Theo Văn bản số 144/HC ngày 04/5/2001 của Nhà máy Z - Tổng cục CNQP v/v hoàn trả đất trồng rừng có nội dung: “Năm 1990, Trường trung học Kinh tế đóng quân trên địa bàn xã Thụy A, được UBND TP. H ký Quyết định số 4293/QĐUB cấp diện tích đất là 30,5 ha tại địa điểm Trường trung học Kinh tế cũ. Diện tích còn lại xung quanh khu vực nhà trường là 45,5 ha, nhà trường mượn để trồng cây theo Chương trình của Lâm nghiệp huyện B. Tổng diện tích toàn bộ là 76 ha. Tháng 12/1992, Nhà máy Z nhận bàn giao toàn bộ số diện tích trên của Trường trung học Kinh tế theo quyết định của Bộ Quốc phòng. Tháng 6/2000, Nhà máy Z bàn giao diện tích 28,2 ha cho Trường T24-BTL Biên phòng. Số diện tích trồng rừng nay đơn vị đã khai thác xong và không còn nhu cầu sử dụng nữa. Vậy Nhà máy Z xin hoàn trả lại số diện tích 45,5 ha cho UBND xã Thụy A để địa phương sử dụng từ tháng 5/2001”. Như vậy, diện tích 45,5 ha do UBND xã quản lý, nhưng chưa giao cho tổ chức, cá nhân nào sử dụng. Gia đình ông H tự ý sử dụng 4.297,1m²/45,5 ha không phải là đất khai hoang như ông H trình bày.

* Về yêu cầu khởi kiện của ông Khuất Duy H:

- Đối với Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 13/8/2018 của UBND xã Thụy A v/v giải quyết khiếu nại của 09 hộ gia đình (trong đó có hộ gia đình ông H), Quyết định số 180/QĐ-UBND ngày 22/01/2019 của Chủ tịch UBND huyện B v/v giải quyết khiếu nại của ông H (lần hai): Quá trình giải quyết vụ án, UBND xã Thụy A và UBND huyện B không cung cấp tài liệu, chứng cứ về trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại lần 1, lần 2. Vì vậy, chưa có cơ sở để đánh giá tính hợp pháp về trình tự, thủ tục ban hành 02 quyết định giải quyết khiếu nại này. Tuy nhiên, đối với Quyết định số 86/QĐ-UBND thấy, theo quy định tại Điều 17 Luật Khiếu nại 2011 quy định Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định hành chính, nhưng Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 13/8/2018 lại do UBND xã Thụy A ban hành là không đúng thẩm quyền cần rút kinh nghiệm.

Về nội dung: Như đã phân tích ở trên, diện tích 4.297,1m²/45,5 ha không phải là đất khai hoang như lời trình bày của ông H mà là đất công do UBND xã Thụy A quản lý. Vì vậy, các Quyết định trên giữ nguyên kết quả xác nhận nguồn gốc đất của UBND xã Thụy A là có căn cứ.

- Đối với Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của UBND huyện B v/v thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân, đất công của UBND xã Thụy A quản lý

và đất của chi nhánh Công ty TNHH MTV & PT nông nghiệp H, Xí nghiệp dứa Suối H để thực hiện Dự án (đợt 3)

+ Về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành: UBND huyện B ban hành Quyết định trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 66 Luật đất đai năm 2013.

Trình tự, thủ tục ban hành: Ngày 29/9/2011, UBND huyện B ban hành Thông báo số 108/TB-UBND về chủ trương thu hồi đất thực hiện Dự án. Tuy nhiên, UBND huyện B chưa ban hành thông báo thu hồi đất cho người có đất bị thu hồi biết theo quy định tại khoản 1 Điều 67 Luật Đất đai, khoản 1 Điều 37 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H là chưa đúng trình tự, thủ tục.

+ Về nội dung của Quyết định: Thu hồi diện tích đối với hộ gia đình ông Khuất Duy H tại thôn Yên K, xã Thụy A: Thửa số 7 diện tích 1.950m², thửa số 11 diện tích 4.297,1m². Nội dung quyết định thu hồi đúng với biên bản xác định mốc giới phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của Dự án.

- Đối với Quyết định số 2905/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 v/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB Dự án và Quyết định số 607/QĐ-UBND 20/3/2018 v/v phê duyệt PA chi tiết BT, HT GPMB điều chỉnh, bổ sung Dự án

+ Về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành: UBND huyện B ban hành các Quyết định trên là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai 2013.

Trình tự, thủ tục ban hành: UBND huyện B chưa thực hiện công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB; chưa gửi quyết định phê duyệt kèm theo phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ GPMB đến hộ gia đình ông Khuất Duy H. Như vậy là chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai 2013 và Điều 37 Quyết định số 10, cần rút kinh nghiệm

+Về nội dung: Theo Quyết định 2905 thì diện tích thu hồi vĩnh viễn là 6.247,1m² (xác định là đất thuê trả tiền hàng năm trồng cây lâu năm) x 35.000 đ/m² = 218.648.500 đồng; diện tích mượn tạm là 763,2m². Tổng diện tích: 7010,3m². Bồi thường về công trình kiến trúc: 616.717.000 đồng. Bồi thường, hỗ trợ về cây cối, hoa màu gắn liền với đất thu hồi: 78.923.000 đồng. Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ, GPMB: 914.288.500 đồng.

- Theo Quyết định 607: “Giữ nguyên tất cả các nội dung từ khoản 1 đến khoản 3 tại Mục III của QĐ số 2095...., do nhầm lẫn trong quá trình xác minh nguồn gốc đất, nay UBND xã Thụy A xác minh điều chỉnh 4.297,1m² đất nông nghiệp nhà nước cho hộ ông Khuất Duy H thuê đất trả tiền hàng năm sang đất nông nghiệp khó giao do UBND xã quản lý, không thuộc quỹ đất nông nghiệp công ích ...”. Tại Quyết định này đã tăng số tiền bồi thường hỗ trợ về đất từ 218.648.500 đồng lên 248.728.200 đồng. Tổng tiền bồi thường sau tăng là 944.368.200 đồng. Cụ thể: Tại quyết định này phân bồi thường về công trình, vật kiến trúc và bồi thường hỗ trợ về cây cối, hoa màu gắn

liền với đất thu hồi được giữ nguyên không có thay đổi. Đối với phần bồi thường về đất đã phân tách và xác định lại:

+ Phần diện tích 1.950m^2 đất thuộc thửa đất số 7 là đất thuê trả tiền hàng năm trồng cây lâu năm, bồi thường với đơn giá $35.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 1.950\text{m}^2 \times 100\% = 68.250.000$ đồng.

+ Phần diện tích $4.297,1\text{m}^2$ đất thuộc thửa 11 xác định là đất nông nghiệp khó giao thuộc quỹ đất công, không thuộc quỹ đất công ích được bồi thường 50% với đơn giá $84.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 84.000$ đồng/ $\text{m}^2 \times 50\% = 180.478.200$ đồng.

Thấy rằng: Đối với diện tích đất 1.950m^2 đất bị thu hồi nằm trong diện tích đất 7.322m^2 đã được cấp GCN QSD đất, là đất thuê trả tiền hàng năm đã được cấp Giấy chứng nhận. Hộ ông H đã sử dụng ổn định, không có tranh chấp. Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 76 Luật Đất đai 2013 quy định: “không được bồi thường về đất nhưng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất”. Tuy nhiên, hộ ông H không có tài liệu, chứng cứ chứng minh các khoản chi phí đã đầu tư vào đất còn lại nên được bồi thường theo khoản a Điều 10 của Quy định ban hành kèm theo quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND thành phố H với mức $35.000\text{đ}/\text{m}^2$ đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, mức bồi thường tối đa không quá $250.000.000\text{đ}/\text{chủ}$ sử dụng đất (nay là Điều 10 của Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND TP H) là đúng theo quy định. Còn đối với diện tích đất $4.297,1\text{m}^2$ thuộc thửa 11, UBND huyện B xác định là đất nông nghiệp khó giao thuộc quỹ đất công, không thuộc quỹ đất công ích được bồi thường 50% với đơn giá $84.000\text{đ}/\text{m}^2 = 180.478.200$ đồng. Tuy hồ sơ vụ án chưa có trình bày của UBND huyện B về nội dung này nhưng tại Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 22/1/2019 của Chủ tịch UBND huyện B v/v giải quyết khiếu nại đã căn cứ vào văn bản số 8846/UBND-TNMT ngày 14/11/2014 của UBND thành phố H về chính sách hỗ trợ GPMB huyện B để áp giá bồi thường với mức hỗ trợ là 50% của 1 lần giá đất nông nghiệp đơn giá $84.000\text{đ}/\text{m}^2$ là đúng quy định.

- Đối với Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 22/01/2019 của Chủ tịch UBND huyện B v/v giải quyết khiếu nại của ông Khuất Duy H (lần 1)

+Về thẩm quyền trình tự, thủ tục ban hành: Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 18 Luật khiếu nại.

Trình tự, thủ tục: Sau khi nhận đơn khiếu nại của ông H, UBND huyện B đã tiến hành thụ lý đơn khiếu nại; tiến hành xác minh nội dung khiếu nại. Căn cứ kết quả xác minh, Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại là đúng trình tự, thủ tục và hình thức quy định Điều 27, 28, 29, 31 Luật khiếu nại năm 2011.

+Về nội dung: Quyết định 184 có nội dung giữ nguyên Quyết định số 116, 607, 2905 là đúng quy định

Kết luận của Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

* Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên người khởi kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

* Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 204, 206 Luật tổ tụng Hành chính.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 30, Điều 32, 116, khoản 1 Điều 158, khoản 1, Điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194; Điều 204; Điều 206; Khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính;

- Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

- Luật khiếu nại năm 2011;

- Luật đất đai năm 2013

- Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị định số 47/2014 ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Luật phí và Lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Khuất Duy H yêu cầu hủy:

- Một phần Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của UBND huyện B về việc “ Thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân, đất công của UBND xã Thụy A quản lý và đất của Chi nhánh Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV&PT nông nghiệp H, Xí nghiệp đừa Suối H để thực hiện dự án: Đầu tư tiếp nước, cải tạo khôi phục Sông T đoạn qua xã Thụy A, huyện B, thành phố H (Đợt ba) đối với hộ ông Khuất Duy H;

- Một phần Quyết định số 2905/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND huyện B về việc “Phê duyệt phương án bồi thường chi tiết bồi thường, hỗ trợ GPMB Dự án: Đầu tư, tiếp nước, cải tạo, khôi phục Sông T từ Lương P xã Thuần M, huyện B, thành phố H – xã Thụy A (Đợt 3) đối với hộ ông Khuất Duy H;

- Một phần Quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 20/3/2017 của UBND huyện B về Phê duyệt phương án chi tiết bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng điều chỉnh, bổ sung Dự án: Đầu tư, tiếp nước, cải tạo khôi phục Sông T từ Lương P, xã Thuần M, huyện B, TP H (Địa bàn xã Thụy A – Đợt 6) đối với hộ gia đình ông Khuất Duy H;

- Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 22/01/2019 của Chủ tịch UBND huyện B về giải quyết khiếu nại của ông Khuất Duy H. Địa chỉ: Thôn Yên K, xã Thụy A, huyện B (lần 1);

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Khuất Duy H phải chịu 300.000đồng án phí Hành chính sơ thẩm (đã nộp) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0013303 ngày 25/7/2019 của Cục Thi hành án dân sự thành phố H .

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

-VKSND tp H

- Đương sự

- Lưu

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị K T